

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2024

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Ông **Trần Minh Nhựt**

- **Thư ký phiên Tòa:** Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:**  
Ông **Nguyễn Thế Nam** – Kiểm Sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **A**, sinh năm 1996. (Có mặt)

Địa chỉ: 207/18B Phan Đăng Lưu, khu phố 3, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **T**, sinh năm 1994. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Minh Long, xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2024, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị A trình bày:*

Năm 2014, chị A và anh T trên cơ sở tự nguyện chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Về con chung: Chị A và anh T có 01 người con chung tên là Thạch Ngọc Tường V, sinh ngày 15/7/2015. Hiện nay con đang do tôi nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị và anh T không còn chung sống.

*Tại phiên tòa, chị A yêu cầu:*

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh T

- Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Thạch Ngọc Tường Vân, sinh ngày 15/7/2015 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2024, anh Thành trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị A về hôn nhân là không có đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh có ý kiến như sau:

-Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị A

-Về con chung: Đồng ý giao con chung là cháu Thạch Ngọc Tường V, sinh ngày 15/7/2015 cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Thành không cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành-tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị A. Về hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh T. Về con chung: Giao cháu Thạch Ngọc Tường V, sinh ngày 15/7/2015 cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu Vân) và chị A tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: chị A và anh Thành xác định trong quá trình chung sống không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, đồng thời bị đơn anh T có địa chỉ cư trú tại ấp Minh Long, xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự:

Bị đơn anh T đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy chị A và anh T sống chung với nhau từ năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn, sau đó do bất đồng quan điểm nên anh chị đã ly thân từ khoảng năm 2019 cho đến nay. Như vậy việc chị A và anh T chung sống với nhau trong thời gian khá dài mà không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Bởi theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*“1. Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ và chồng....”*

Từ đó cho thấy mối quan hệ giữa chị A và anh T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh T.

[2.2] Về con chung: Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án chị Tú Anh và anh Thành cùng xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 người con chung là cháu Thạch Ngọc Tường V, sinh ngày 15/7/2015 hiện đang sống cùng chị A, chị A yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng chị A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V từ khi sinh ra cho đến nay và cháu V cũng có nguyện vọng được chị A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu V cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu V và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về việc cấp dưỡng nuôi con:

do chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh T cùng xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị A

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật như đã phân tích nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng chị A được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005494 ngày 12/4/2024, chị Tú Anh không phải nộp thêm, anh T không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị A.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh T.
2. Về con chung: Giao cháu Thạch Ngọc Tường V, sinh ngày 15/7/2015 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu V) và chị A tự nguyện không yêu cầu anh Thành cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh T cùng xác định là anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết (miễn xét).
4. Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng chị A được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005494 ngày 12/4/2024, chị Tú Anh không phải nộp thêm, anh T không phải chịu án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Phạm Ngọc Khánh**